

Số: 27 /QĐ-TTr

Tân Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TRỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông báo số 23/TB-TCKH ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường tiểu học Tân Trụ;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2024 của trường Tiểu học Tân Trụ (đính kèm mẫu biểu số 04).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Nhân viên phụ trách kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, KT.



Hà Thị Lương

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân Trụ

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTr ngày của Trường Tiểu học Tân Trụ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	
I	Chi sự nghiệp	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.740	15.740	0	
		15.740	15.740	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.834	9.834	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.907	5.907	0	

Ngày 10 tháng 4 năm 2024

Hiệu trưởng



Hà Thị Lương

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NSNN
NĂM 2024

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	9.833.508.438 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	0 đồng
+ Giao đầu năm	:	9.833.508.438 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 14)	:	7.454.787.092 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	2.586.826.530 đồng
+ Giao đầu năm	:	4.867.960.562 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	486.580.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	0 đồng
+ Giao đầu năm	:	486.580.000 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 18)	:	244.626.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	0 đồng
+ Giao đầu năm	:	244.626.000 đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN năm 2024

I. Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	9.833.508.438 đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	4.486.172.586 đồng
Phụ cấp chức vụ	:	64.395.000 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	1.526.463.225 đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	5.994.000 đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	875.694.074 đồng
Thưởng thường xuyên	:	48.204.000 đồng
Bảo hiểm xã hội	:	922.464.483 đồng
Bảo hiểm y tế	:	162.787.849 đồng
Kinh phí công đoàn	:	108.525.235 đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	54.262.615 đồng
Các khoản đóng góp khác	:	27.131.314 đồng
Chi khác	:	101.089.800 đồng
Tiền điện	:	33.883.500 đồng
Tiền nước	:	6.435.000 đồng
Tiền vệ sinh, môi trường	:	842.456 đồng

văn phòng phẩm	:	623.750 đồng
Vật tư văn phòng khác	:	3.641.000 đồng
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường c	:	198.529 đồng
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	:	1.752.000 đồng
Khoản công tác phí	:	12.000.000 đồng
Thuê lao động trong nước	:	173.520.000 đồng
Thuê đào tạo lại cán bộ	:	49.200.000 đồng
Chi phí thuê mướn khác	:	12.430.800 đồng
Các thiết bị công nghệ thông tin	:	24.750.000 đồng
Đường điện, cấp thoát nước	:	2.793.340 đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	:	31.893.499 đồng
Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	:	6.652.800 đồng
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	13.201.320 đồng
Chi khác	:	60.477.000 đồng
Chi các khoản phí và lệ phí	:	546.000 đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	:	3.219.120 đồng
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	:	334.047.167 đồng
Chi lập Quỹ phúc lợi	:	404.905.657 đồng
Chi lập Quỹ khen thưởng	:	70.858.490 đồng
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	:	202.452.829 đồng
II. Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 14)	:	5.427.419.625 đồng
Chi khác	:	5.427.419.625 đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	234.919.590 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	127.353.090 đồng
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	:	49.170.000 đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	:	58.396.500 đồng
IV. Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 18)	:	244.626.000 đồng
Thưởng khác	:	244.626.000 đồng

Kế toán



Huỳnh hị Nho

Tân Bình, ngày 10 tháng 1 năm 2025



Hiệu trưởng



Hà Thị Lương